VNU Journal of Science: Education Research, Vol. 37, No. 2 (2021) 89-99

VNU Journal of Science: Education Research

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/ER

Original Article

The Impact of Cultural Intelligence on University Students' Intention to Study Abroad: The Role of Perceived Value

Khuc The Anh[1,*], Le Thi Thanh Dang,
Nhu Vu Bich Ngoc, Ngo Thanh Dat, Tran Thi Ngoc Anh

National Economics University, 207 Giai Phong, Dong Tam, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam

Received 13 May 2021
Revised 12 June 2021; Accepted 13 June 2021

Abstract: This research aims to examine the relationship among cultural intelligence (CQ), perceived value (PV) and students' intention to study abroad. By using data gathered in 739 university students, along with statistical analysis, the carrying out results show that there is a positive correlation between cultural intelligence and the intention to study abroad through the mediating role of perceived value. In particular, cultural intelligence and perceived value have positive influence on students' intention to study abroad and cultural intelligence is an antecedent of perceived value. This study focuses on the influence of specific factors on the intention to study abroad. Meanwhile, this research contributes to the educational field cultural intelligence, which is a totally new factor in Vietnam. With a view to helping students in deciding to participate in study abroad programs and improving the quality of education, advice is given to students and related educational organizations.

Keywords: Cultural Intelligence, Intention, Perceived Value, Study Abroad.

* Corresponding author.
E-mail address: anhkt@neu.edu.vn

https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4534

Tác động của trí tuệ văn hoá đến ý định du học của sinh viên: Vai trò của giá trị lĩnh hội

Khúc Thế Anh[1,*], Lê Thị Thanh Đăng,
Nhữ Vũ Bích Ngọc, Ngô Thành Đạt, Trần Thị Ngọc Anh

Đại học Kinh tế Quốc dân, 207 Giải Phóng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 13 tháng 5 năm 2021
Chỉnh sửa ngày 12 tháng 6 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 6 năm 2021

Tóm tắt: Nghiên cứu này phân tích sự ảnh hưởng của trí tuệ văn hóa (Cultural Intelligence - CQ) đến ý định du học của sinh viên thông qua vai trò của giá trị lĩnh hội (Perceived Value - PV) với cỡ mẫu khảo sát gồm 739 sinh viên tại các trường đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy giá trị lĩnh hội và trí tuệ văn hóa đều có tác động dương đến ý định du học của sinh viên và khám phá ra mối tương quan thuận chiều giữa trí tuệ văn hóa và giá trị lĩnh hội. Đây là phân tích sự ảnh hưởng của các nhân tố cụ thể đến ý định du học của sinh viên, đồng thời đóng góp vào kho tàng lý luận về giáo dục đại học Việt Nam với nhân tố hoàn toàn mới là trí tuệ văn hóa. Một số khuyến nghị dành cho sinh viên, các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước đã được đề xuất để thúc đẩy ý định du học của sinh viên nói chung và giúp họ đưa ra quyết định du học đúng đắn nhất nói riêng.

Từ khóa: Du học, giá trị lĩnh hội, trí tuệ văn hoá, ý định.

1. Đặt vấn đề

Với xu hướng hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá, khoảng cách giữa các quốc gia thu hẹp lại, điều này đồng nghĩa với sự giao thoa văn hóa ngày càng nhiều. Đồng thời, xu hướng đổi mới và sáng tạo được tập trung nhiều trong lĩnh vực giáo dục: các nước đang phát triển đang tập trung nhiều nguồn lực để có thể tận dụng các xu hướng mới trên thế giới. Do đó, học tập tại nước ngoài là một trong những kỳ vọng tất yếu của nhiều người để nâng cao trí tuệ văn hoá của mình. Bên cạnh những cơ hội về trải nghiệm văn hoá, du học cũng là hình thức được nhiều sinh viên lựa chọn khi nhận thức được các lợi ích vượt trội du học mang lại so với học tập trong nước (giá trị lĩnh hội). Cụ thể, vị trí giáo dục của các nước đang phát triển vẫn còn có khoảng cách khá lớn so với mặt bằng chung các nước trên thế giới, đặc biệt là giáo dục đại học chưa được đánh giá cao, tồn tại nhiều hạn chế như mức độ tiếp cận giáo dục đại học còn thấp, tỷ lệ tuyển sinh theo nhóm quỹ phúc lợi không đồng đều, chất lượng giáo dục còn chênh lệch giữa các nhóm kỹ năng của người học. Chính vì vậy, nhiều gia đình đã hình thành và phát triển xu hướng đầu tư cho con cái đi du học để phát triển những cơ hội mới với hy vọng tiếp cận nền giáo dục tiên tiến hơn. Hơn nữa, du học cũng đang được đánh giá cao hơn so với học trong nước. Du học sinh có nhiều cơ hội được tuyển dụng bởi các tập đoàn hoặc công ty đa quốc gia nhờ vốn kiến thức sâu rộng của mình. Đây cũng chính là lý do mà ngày càng nhiều bạn trẻ muốn đi du học khi nhận thức được những giá trị về tương lai mà họ nhận được khi học tập ở nước ngoài. Vì những vấn đề đặc trưng trên, ngày nay du học đang là xu hướng phát triển mạnh mẽ. Vào thời điểm cuối năm 2017, Việt Nam có hơn 120.000 du học sinh trên toàn cầu, hơn một nửa trong số đó là sinh viên đại học và sau đại học. Đầu năm 2020, con

* Tác giả liên hệ.
Địa chỉ email: anhkt@neu.edu.vn

https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4534

số du học sinh Việt Nam trên thế giới đã lên đến khoảng 190.000 người. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm trả lời câu hỏi: trí tuệ văn hóa có tác động đến giá trị lĩnh hội và ý định du học của sinh viên Việt Nam hay không? Giá trị lĩnh hội có tác động đến ý định du học hay không? Các hàm ý chính sách nào nên rút ra từ kết quả của mô hình?

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đánh giá ý định du học của sinh viên Việt Nam, nghiên cứu này tập trung phân tích, đo lường 2 nhân tố ảnh hưởng đến ý định du học gồm trí tuệ văn hóa và giá trị lĩnh hội. Kết quả của nghiên cứu góp phần kiểm chứng và xây dựng một nhận định mới rằng trí tuệ văn hóa là một trong những nhân tố dự đoán ý định du học, bổ sung một nhân tố mới (trí tuệ văn hoá) vào mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng (theo lí thuyết hành vi có kế hoạch), đồng thời đưa ra các hàm ý chính sách tới sinh viên và các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước để nâng cao hiệu quả du học cả về số lượng và chất lượng.

3. Giả thuyết khoa học

Dựa vào mô hình lý thuyết hành vi có kế hoạch của Ajzen (1991), mô hình lý thuyết kỳ vọng của Vroom (1964) và kết quả phỏng vấn sâu giai đoạn 1, nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình như sau:

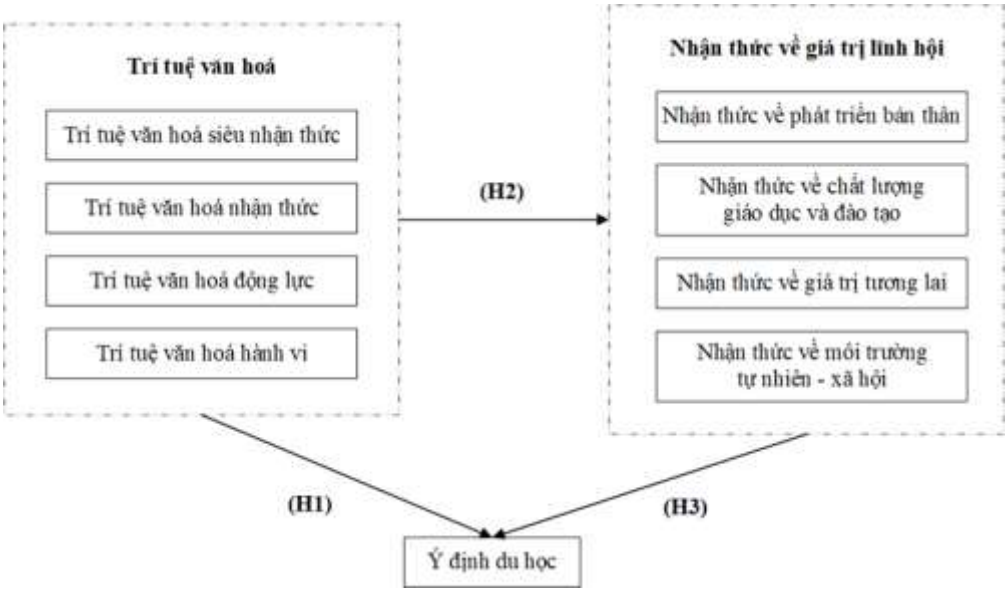

Hình 1. Mô hình nghiên cứu.
Nguồn: Đề xuất của nhóm nghiên cứu.

Nhóm nghiên cứu đưa ra 4 nhân tố tác động đến biến "Trí tuệ văn hóa" và 4 nhân tố tác động đến biến "Giá trị lĩnh hội". Biến biến phụ thuộc là "Ý định du học" (DH) chịu ảnh hưởng bởi biến độc lập "Trí tuệ văn hóa" (CQ) và "Giá trị lĩnh hội" (PV). Trong đó, trí tuệ văn hoá được hiểu là "*khả năng hoạt động hiệu quả của một người trong các bối cảnh có sự đặc trưng về đa dạng văn hóa*", giá trị lĩnh hội là "*đánh giá tổng quan hay sự hiểu biết của một người về những lợi ích được mang lại thông qua quá trình sử dụng/trải nghiệm sản phẩm hay dịch vụ*", cụ thể trong nghiên cứu này là "*nhận thức về những lợi ích mà sinh viên có thể nhận được khi đi du học*". Nghiên cứu xây dựng thang đo trí tuệ văn hoá được điều chỉnh từ nghiên cứu

của Ang và cộng sự (2007). Để xây dựng các tiêu chí đo lường giá trị lĩnh hội, nhóm tác giả tham khảo các thang đo từ những nghiên cứu của Nguyễn Thị Sen (2015), Relyea và cộng sự (2008) và Cheng (2014). Các biến điều tiết được sử dụng trong mô hình gồm "Giới tính", "Năm học", "Mối quan hệ ở nước ngoài" và "Trải nghiệm văn hoá quốc tế".

Các giả thuyết mà nhóm tác giả đưa ra gồm:

(H1) Trí tuệ văn hóa có tác động thuận chiều đến ý định du học.

(H2) Trí tuệ văn hóa có tác động thuận chiều đến giá trị lĩnh hội.

(H3) Giá trị lĩnh hội tác động thuận chiều đến ý định du học.

Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu trong nước và quốc tế liên quan đến các mối quan hệ giữa trí tuệ văn hoá, giá trị lĩnh hội và ý định du học của sinh viên.

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu trong 2 giai đoạn (trước và sau nghiên cứu định lượng). Cụ thể, đối với giai đoạn 1, nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn 4 chuyên gia lý thuyết (1 phó giáo sư, 3 tiến sĩ trong lĩnh vực giáo dục học và marketing); 5 sinh viên đã du học và 5 sinh viên có ý định du học nhằm mục đích chuẩn hoá thuật ngữ, điều chỉnh và bổ sung các biến quan sát trong mô hình cho phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học ở Việt Nam, phát triển và hiệu chỉnh thang đo. Từ kết quả phỏng vấn các chuyên gia, nhóm tác giả cân nhắc điều chỉnh thang đo. Bên cạnh các nhân tố ban đầu tác động đến biến "Giá trị lĩnh hội", nhóm nghiên cứu được gợi ý bổ sung nhân tố "Nhận thức về môi trường tự nhiên - xã hội". Đồng thời các chuyên gia cũng cho rằng nên điều chỉnh tiêu chí đo lường "Ý định du học" của sinh viên bằng cách bổ sung câu hỏi về dự định trao đổi tại quốc gia khác trong vài tháng (chưa đến 1 kỳ). Đối với giai đoạn 2, nhóm tác giả tiến hành phỏng vấn sâu 12 sinh viên đã và đang du học nhằm thu thập thông tin tạo cơ sở và bổ sung ý nghĩa cho các kết quả nghiên cứu và đề xuất các khuyến nghị phù hợp. Mỗi cuộc phỏng vấn có thời lượng trung bình là 30 phút. Kết quả của cuộc phỏng vấn được dỡ băng trong vòng 24 giờ. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện tại giảng đường, quán café hoặc trực tuyến thông qua các nền tảng như Microsoft Teams, Skype… để đảm bảo tính thoải mái và sự riêng tư cho đối tượng được phỏng vấn.

Sau khi hiệu chỉnh từ phỏng vấn sâu, bảng hỏi gồm 2 phần: Phần 1 liên quan đến thông tin chung về nhân khẩu học như độ tuổi, khối ngành đang theo học, quốc gia dự kiến du học hình thức du học,… Phần 2 đánh giá về ý định du học (theo Hình 1). Nhóm tác giả đã thu thập dữ liệu nghiên cứu bằng cách xây dựng bảng câu hỏi khảo sát và gửi tới đối tượng nghiên cứu là các sinh viên đến thuộc các khối ngành kinh tế - kinh doanh, STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học), kiến trúc - xây dựng, khách sạn - du lịch và báo chí - truyền thông. Nhóm tác giả tiến hành phỏng vấn thông qua google form đến Đoàn trường các trường đại học, từ đó triển khai xuống các sinh viên trong khối các trường được lựa chọn. Sinh viện được lựa chọn chỉ bao gồm sinh viên chính quy tập trung (không bao gồm sinh viên vừa làm vừa học, văn bằng 2, liên thông do nhóm sinh viên này thường ít đi du học). Nhóm nghiên cứu cũng chỉ tập trung vào sinh viên từ năm thứ 1 đến năm thứ 5 (chủ yếu trong khối trường kĩ thuật), không phỏng vấn đối với sinh viên từ năm thứ 6 trở đi. Tổng số quan sát nhóm nghiên cứu thu về là 823. Sau quy trình sàng lọc và loại bỏ các phiếu không hợp lệ, số lượng phản hồi đáng tin cậy và đưa vào phân tích là 739 (xấp xỉ 89,8%).

4. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

4.1. Tổng quan nghiên cứu

Về ý định du học và giá trị lĩnh hội, trong phạm vi quốc tế, có thể kể đến như nghiên cứu về ảnh hưởng của giá trị lĩnh hội đến quyết định tham gia vào một khóa du học (Relyea và cộng sự, 2008), xem xét vai trò của tính cách cá nhân, trí tuệ văn hóa trong việc hình thành

mong muốn du học (Luchkiw, 2013), tìm hiểu về mối quan hệ giữa niềm tin, giá trị lĩnh hội và ý định hành vi trong du học (Zhuang và cộng sự, 2015), phân tích giá trị lĩnh hội và sự ưu tiên quốc gia du học trong trường hợp các khóa du học ngắn hạn của sinh viên Hong Kong (Cheng, 2014). Hầu hết các nghiên cứu này đều đặt trong phạm vi cụ thể là các đất nước phát triển, có nền giáo dục tiên tiến và có điều kiện tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau trên khắp thế giới như Mỹ, Hong Kong.

Về trí tuệ văn hóa trong nghiên cứu về du học, Relyea và cộng sự (2008, trang 359) đánh giá "*Chúng tôi tin rằng việc nghiên cứu trí tuệ văn hóa dưới góc độ một trong những nhân tố dự đoán ý định du học sẽ rất sáng giá*". Trí tuệ văn hóa cũng đã được đưa vào nghiên cứu trong mối quan hệ với du học bởi Luchkiw (2013), Racicot và Ferry (2016), Merklen và Wolfe (2020). Tuy nhiên, đa số những nghiên cứu trước đó về mối quan hệ với du học thường đi theo hướng trí tuệ văn hóa là một kết quả tiềm năng của quá trình du học (Racicot và Ferry, 2016; Merklen và Wolfe, 2020). Số nghiên cứu phân tích trí tuệ văn hóa dưới vai trò một nhân tố ảnh hưởng đến du học còn khá hiếm và ít ỏi (Luchkiw, 2013).

Về mối quan hệ giữa trí tuệ văn hóa và giá trị lĩnh hội, trên thế giới cũng mới có rất ít tác giả nghiên cứu sâu về đề tài này. Những công trình trước đó mới chỉ ra tầm quan trọng của trí tuệ văn hóa đối với giá trị lĩnh hội ở các lĩnh vực du lịch (Jamilena và cộng sự, 2018) hay nhà hàng, khách sạn (Han và Yoon, 2020) mà chưa xem xét trong lĩnh vực giáo dục.

Đồng thời, mối quan hệ giữa 3 yếu tố: giá trị lĩnh hội, trí tuệ văn hóa và ý định du học chưa được xem xét một cách đồng thời trong các nghiên cứu trước đây. Tại Việt Nam, số lượng nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục, đi sâu vào du học vẫn còn hạn chế. Đa số các nghiên cứu đều tập trung vào phân tích tổng thể những nhân tố ảnh hưởng đến ý định hoặc quyết định du học của học sinh, sinh viên chứ chưa đi cụ thể vào một nhân tố nào (Nguyễn Thị Sen, 2015; Phan Anh Tú và Trịnh Thúy Hằng, 2016). Phạm vi nghiên cứu tại Việt Nam thường chỉ thu hẹp trong đối tượng là học sinh trung học phổ thông một tỉnh (Nguyễn Thị Sen, 2015) hoặc sinh viên một chuyên ngành cụ thể của một trường Đại học (Phan Anh Tú và Trịnh Thúy Hằng, 2016).

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả tập trung phân tích sự tác động của yếu tố trí tuệ văn hoá đến ý định du học của sinh viên thông qua vai trò của giá trị lĩnh hội.

4.2. Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action) của Fishbein và Ajzen (1980) được coi là một trong những lý thuyết có sức ảnh hưởng nhất được sử dụng để giải thích hành vi con người. Theo đó, "Thái độ hành vi" không phải là yếu tố quyết định tác động đến việc thực hiện hành vi của con người mà là "Ý định hành vi". "Ý định hành vi" được hiểu là ý muốn thực hiện một hành vi cụ thể nào đó và chịu sự ảnh hưởng của hai yếu tố gồm "Thái độ hành vi" và "Mức quy chuẩn chủ quan" đối với hành vi đó. Tuy nhiên, lý thuyết này bộc lộ nhiều hạn chế trong trường hợp cá nhân không thể kiểm soát hoàn toàn hành vi của mình, và thái độ hành vi và mức quy chuẩn chủ quan không đủ để giải thích cho hành vi của họ. Để khắc phục nhược điểm trên của lý thuyết trên, Ajzen (1991) đã phát triển lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior - TPB) khi áp dụng cho những hành vi không chịu sự chi phối hoàn toàn của ý chí. Lý thuyết TPB giữ nguyên vai trò trung gian của "Ý định hành vi" và bổ sung nhân tố thứ ba là "Nhận thức kiểm soát hành vi" để cải thiện khả năng dự đoán hành vi bên cạnh hai nhân tố trước đó là "Thái độ hành vi" và "Mức quy chuẩn chủ quan". Lý thuyết TPB gợi ý rằng mọi người sẽ lựa chọn một cách có ý thức những hành động cụ thể dựa trên nhận thức, thái độ, giá trị và niềm tin của họ. Năm 1964, Vroom đã đề xuất lý thuyết kỳ vọng (Expectancy Theory) để giải thích quá trình một cá nhân nhận thức và từ đó đưa ra quyết định lựa chọn hành vi khác nhau. Lý thuyết cho rằng một cá nhân sẽ nỗ lực để đạt được hiệu suất nếu

như phần thưởng từ việc đó được coi là có giá trị đối với họ.

Cả lý thuyết hành động hợp lý và lý thuyết hành vi có kế hoạch đều có những ưu điểm và nhược điểm nhất định và đã được áp dụng phổ biến trong các nghiên cứu về hành vi con người. Các mô hình sau đều phát triển và mở rộng hơn các mô hình trước để tối ưu hơn trong việc giải thích hành vi du học hay ra quyết định học tập tại nước ngoài của sinh viên. Lý thuyết kỳ vọng của Vroom cũng đã được áp dụng rộng rãi trong nhiều nghiên cứu liên quan đến vấn đề du học của học sinh, sinh viên điển hình như nghiên cứu của Sánchez và cộng sự (2006), Relyea và cộng sự (2008), Hackney và cộng sự (2012),... Vì vậy, để có thể giải thích một cách rõ ràng nhất mối quan hệ giữa trí tuệ văn hóa, giá trị lĩnh hội và ý định du học của sinh viên, nhóm nghiên cứu tiếp cận mô hình nền tảng là mô hình TPB của Ajzen (1991) và mô hình lý thuyết kỳ vọng của Vroom (1964). Cụ thể, áp dụng lý thuyết TPB vào lĩnh vực văn hóa, nghiên cứu xây dựng các nhân tố ảnh hưởng đến biến "Trí tuệ văn hóa" bao gồm "Trí tuệ văn hóa siêu nhận thức", "Trí tuệ văn hóa nhận thức", "Trí tuệ văn hóa động lực" và "Trí tuệ văn hóa hành vi". Đối với biến "Giá trị lĩnh hội", nghiên cứu tham khảo mô hình lý thuyết kỳ vọng của Vroom (1964) để phát triển và mở rộng thêm các nhân tố tác động gồm "Nhận thức về phát triển bản thân", "Nhận thức về chất lượng giáo dục và đào tạo" và "Nhận thức về giá trị tương lai".

5. Kết quả nghiên cứu thực trạng và bàn luận

Từ những dữ liệu về mẫu quan sát, nhóm nghiên cứu thực hiện thống kê mô tả nhằm đưa ra những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu được từ nghiên cứu thực nghiệm (Bảng 1).

Kết quả thống kê mô tả cho thấy: một lượng lớn sinh viên Việt Nam có ý tưởng du học bằng học bổng. Điều này phù hợp với tình hình hiện tại khi đa phần các nước đều có 1 phần học bổng nhất định (từ 25% trở lên) đối với những sinh viên được cho là xuất sắc.

Bảng 1. Kết quả thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ
Giới tính	Nam	280	37,89
	Nữ	459	62,11
Năm học hiện tại	Năm 1	209	28,28
	Năm 2	201	27,20
	Năm 3	176	23,82
	Năm 4	129	17,46
	Năm 5	24	3,25
Hình thức dự định du học	Du học tự túc	110	14,88
	Du học học bổng	629	85,12
Khối ngành dự định du học	STEM	182	24,63
	Kinh tế - kinh doanh	190	25,71
	Du lịch - khách sạn	133	18,00
	Kiến trúc - xây dựng	82	11,10
	Báo chí - truyền thông	95	12,86
	Khác	57	7,71
Châu lục của quốc gia dự định du học	Châu Á	229	30,99
	Châu Âu	394	53,32
	Châu Mỹ	73	9,88
	Khác	43	5,82

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu.

Thời điểm hiện tại vẫn cho thấy khối STEM và khối kinh doanh - kinh tế vẫn chiếm đa số ý định du học của sinh viên với trên 50% số người trả lời rằng mình có ý định tham gia vào lĩnh vực này. Thêm vào đó, khu vực châu Âu (điển hình là Anh, Đức, Pháp) vẫn chiếm tỷ lệ lớn sinh viên có ý định du học, bởi thời gian ngắn, học phí tương đối rẻ. Một số quốc gia châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc cũng nhận được sự quan tâm của khoảng 30% sinh viên. Về cơ bản, kết quả thống kê cho thấy xu hướng của sinh viên Việt Nam trong thời điểm hiện tại khi hình thành ý định du học.

Bằng phần mềm SPSS 26 và AMOS24, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính để kiểm định mô hình lý thuyết nghiên cứu đã đề xuất, cụ thể là kiểm định các giả thuyết nghiên cứu được đề ra có phù hợp với các dữ liệu thực tế thu được hay không. Dưới đây là kết quả mà nhóm nghiên cứu đã thu được (Hình 2).

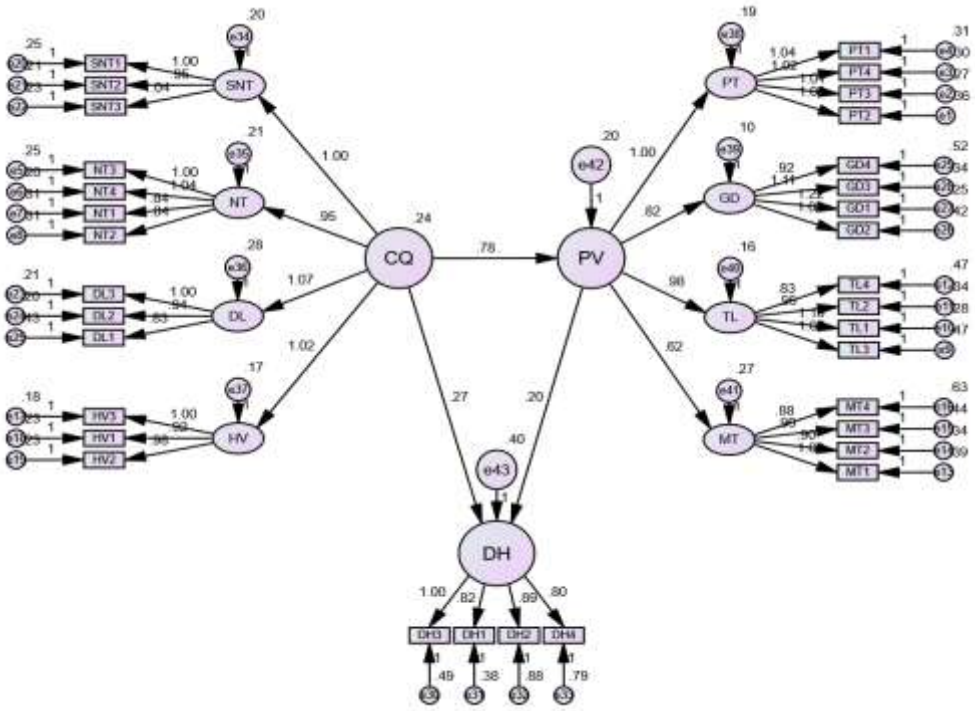

Hình 2. Kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu dựa trên SPSS26 và AMOS24.

Các chỉ số khi kiểm định đều cho kết quả thỏa mãn yêu cầu như Chi-square/df = 2,968 (< 3); GFI = 0,890; CFI = 0,916 (> 0,9); TLI = 0,908 (> 0,9); RMSEA = 0,052 (< 0,08) và Pclose = 0,187 (> 0,05). Từ kết quả này, nhóm nghiên cứu kết luận mô hình hoàn toàn thỏa mãn và thích hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Trong kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính, nhóm tác giả đã sử dụng các nhân tố bậc hai nhằm hướng tới xây dựng sự phù hợp với các giả thuyết nghiên cứu đã đặt ra. Để sử dụng những nhân tố này cần hai điều kiện. Điều kiện đầu tiên, các nhân tố trong mô hình nhân tố bậc một có tương quan thực sự với nhau. Điều kiện thứ hai chính là các nhân tố trong mô hình bậc hai có khả năng đóng góp vào sự biến thiên giữa các nhân tố trong mô hình nhân tố bậc một (Bảng 2).

Bảng 2. Kết quả hệ số mô hình cấu trúc

Tác động	Ước lượng theo phương pháp ML		Sai số chuẩn hóa	Giá trị tới hạn	Giá trị p
	Chưa chuẩn hóa	Chuẩn hóa			
PV <- CQ	0,784	0,655	0,072	10,957	***
DH <- PV	0,198	0,74	0,082	2,414	0,016
DH <- CQ	0,266	0,195	0,101	2,644	0,008

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu dựa trên SPSS26 và AMOS24.

Với mục đích kiểm tra lại mô hình, nhóm tác giả đã tiến hành thực hiện phương pháp Bootstrap. Để tăng thêm sự đáng tin, nhóm nghiên cứu thực hiện đánh giá lại độ tin cậy của mô hình với mẫu lặp lại là 1.000 (Bảng 3).

Từ kết quả bảng trên cung cấp có thể thấy, các giá trị chỉ số C. R (Critical Ratio) đều nhỏ hơn 1,96 nên có thể đưa ra nhận định không có sự chênh lệch giữa kết quả ước lượng của mô hình ban đầu và kết quả ước lượng trung bình. Do đó, nhóm nghiên cứu đưa ra kết luận mô hình nghiên cứu có ý nghĩa với cỡ mẫu lớn và ước lượng của mô hình đáng tin cậy.

Bảng 3. Kết quả ước lượng mô hình bằng phương pháp Bootstrap với N=1000

Tác động	SE	SE-SE	Mean	Bias	SE-Bias	C.R
PV <- CQ	0,046	0,001	0,655	0,000	0,001	0
DH <- PV	0,073	0,002	0,173	-0,001	0,002	0,5
DH <- CQ	0,075	0,002	0,197	0,002	0,002	1

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu dựa trên SPSS26 và AMOS24.

Dựa vào kết quả từ Bảng 2, ta có thể nhận thấy sự tác động của trí tuệ văn hoá đến ý định du học. Cụ thể, với mỗi 1 đơn vị trí tuệ văn hóa tăng lên thì ý định du học tăng 0,266 đơn vị, đồng thời Sig = 0,008 < 0,05. Do đó, có đủ cơ sở để chấp nhận giả thuyết H1. Có thể giải thích cho kết quả này như sau: Khi sinh viên có sự chuẩn bị kỹ lưỡng như nâng cao hiểu biết về các giá trị văn hoá của quốc gia họ muốn du học thì sẽ tự tin hơn trong việc đưa ra quyết định du học của mình. Vì vậy, đa phần sinh viên Việt Nam trước khi du học thường dành ít nhất từ 1-2 năm để học tiếng tại các trung tâm ngoại ngữ hoặc các trung tâm tư vấn du học; đồng thời bước đầu tìm hiểu về các giá trị văn hoá của quốc gia/châu lục dự định du học.

Những sinh viên có đam mê khám phá sự mới mẻ, thích giao lưu với những người đến từ nhiều nền văn hoá khác nhau sẽ ít lo sợ hơn khi sống trong một đất nước mới, từ đó gia tăng sự chắc chắn trong ý định du học. Khi có nhiều cơ hội tiếp xúc với các nền văn hóa trên thế giới thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc qua các phương tiện truyền thông,… sinh viên cũng sẽ hình thành niềm yêu thích đối với một quốc gia cụ thể và có ý định du học tại đất nước đó.

Tiếp theo, kết quả kiểm định cũng chỉ ra rằng trí tuệ văn hoá có mối quan hệ theo chiều dương với giá trị lĩnh hội của sinh viên với hệ số ảnh hưởng là 0,655, tương ứng với hệ số Sig = 0,000 < 0,05. Do đó giả thuyết H2 có đủ cơ sở để khẳng định. Khi sinh viên có kiến thức nhất định về những giá trị của một nền văn hoá nào đó, họ sẽ hình thành nhận thức về những lợi ích mà họ có thể nhận được khi du học tại đất nước đó. Ví dụ, sinh viên thường nhận thức rằng những quốc gia có nền kinh tế phát triển sẽ có nền giáo dục chất lượng tốt hơn và các bằng cấp, chứng chỉ ở đây sẽ được đánh giá cao hơn, đồng thời các cơ hội về tương lai cũng sẽ rộng mở hơn.

Cuối cùng, kết quả kiểm định đã chứng minh giá trị lĩnh hội có tác động thuận chiều đến ý định du học với hệ số ảnh hưởng là 0,174, tương ứng với hệ số Sig = 0,016 < 0,05. Do đó, giả thuyết H3 có cơ sở để chấp nhận. Kết quả này được giải thích như sau: Các chương trình giáo dục dành cho du học sinh thường được giảng dạy bằng tiếng Anh, điều này sẽ khiến các sinh viên Việt Nam tin rằng khi đi du học, họ sẽ có môi trường tốt hơn để nâng cao trình độ về ngoại ngữ. Hơn nữa, bên cạnh việc có thể kết bạn với những người đến từ các quốc gia, châu lục khác nhau, các du học sinh cũng có cơ hội để tích lũy thêm những trải nghiệm và khám phá những giá trị của các nền văn hoá mới. Nhận thức về chất lượng giáo dục và đào tạo cũng là một trong những lý do hàng đầu khiến sinh viên hình thành ý định du học vì hiện nay, cơ sở vật chất nhiều trường đại học ở Việt Nam vẫn còn chưa đáp ứng đủ nhu cầu học tập của sinh viên. Trong khi các khoá học tại nước ngoài được đánh giá có tính ứng dụng cao, sinh viên có nhiều cơ hội hơn để trải nghiệm thực tế và tiếp cận các nguồn học liệu phong phú.

6. Một số khuyến nghị chính sách và kết luận

6.1. Một số khuyến nghị chính sách

Trong nghiên cứu này, sinh viên đại học là khách thể nghiên cứu của ý định du học, vì vậy việc nâng cao vốn trí tuệ văn hóa của bản thân và nhận thức rõ về lợi ích mà du học đem lại là vô cùng quan trọng để sinh viên nuôi dưỡng ý định du học của mình. Do đó nhóm nghiên cứu có một số khuyến nghị đối với sinh viên: cần chủ động nâng cao trí tuệ văn hoá của bản thân. Nên tranh thủ thời gian để khám phá, tìm hiểu các giá trị văn hoá từ nhiều nước trên thế giới thông qua nhiều phương tiện như sách vở, báo chí, Internet,… Việc trải nghiệm thực tế các hoạt động văn hoá như tham gia các lễ hội, triển lãm văn hóa quốc tế hay các câu lạc bộ kết nối văn hóa giữa Việt Nam và các nước khác cũng là một cách hiệu quả để cải thiện trí tuệ văn hoá. Hơn nữa, sinh viên cần có nhận thức rõ ràng về giá trị lĩnh hội của việc du học. Chỉ khi hiểu rõ được những lợi ích, mong muốn của bản thân, chúng ta mới có thể đưa ra lựa chọn tốt nhất cho chính mình. Đồng thời, việc nhận thức đúng đắn về vấn đề du học cũng sẽ giúp sinh viên hạn chế các tư tưởng lệch lạc trong quá trình du học, tránh được các hậu quả đáng tiếc sau này. Tiếp theo, sinh viên cần chủ động tìm kiếm thông tin về các chương trình du học từ những nguồn tin cậy, có định hướng, mục tiêu rõ ràng và dành thời gian chuẩn bị kỹ lưỡng các yêu cầu cần thiết để đáp ứng được chỉ tiêu của chương trình du học. Cuối cùng, để có thể tự lập trong một môi trường mới, một quốc gia khác các bạn sinh viên cũng cần phải trau dồi một số kỹ năng sống khác cho bản thân như kỹ năng tự xử lý tình huống, kỹ năng xây dựng các mối quan hệ, kỹ năng quản lý tài chính,…

Tiến trình toàn cầu hóa và quốc tế hóa giáo dục đang ngày càng lan rộng tầm ảnh hưởng trên hầu hết các lãnh thổ, từ đó, việc du học của học sinh, sinh viên đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc bổ sung lực lượng lao động và thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội (Phan Anh Tú và Trịnh Thúy Hằng, 2016). Việc sinh viên đi du học không chỉ mang lại lợi ích cho bản thân họ mà còn có góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước. Vì thế, các tổ chức giáo dục trong nước cũng cần góp phần tác động tích cực đến ý định du học của sinh viên, sau đây là một số khuyến nghị

mà nhóm nghiên cứu đề xuất: Các tổ chức giáo dục trong nước cần hình thành các chương trình liên kết đào tạo với các tổ chức giáo dục nước ngoài bằng việc phối hợp tài trợ những suất học bổng đối với các sinh viên tài năng, phát triển những chính sách thúc đẩy ý định du học của sinh viên đã có các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế vào việc trao đổi các chương trình học tập ngắn hạn, khơi dậy ý định du học từ những sinh viên thậm chí chưa từng nghĩ đến việc học tập ở nước ngoài. Bên cạnh đó, các tổ chức giáo dục trong nước nên tập trung cải thiện trình độ ngoại ngữ của sinh viên thông qua các hình thức như mở các khóa đào tạo, hợp tác với các trung tâm ngoại ngữ uy tín, có giấy phép hoạt động. Hơn nữa, các trường đại học cao đẳng cần chú trọng bồi dưỡng kỹ năng và trải nghiệm cho người học. Thông qua hoạt động tổ chức các hoạt động kỷ niệm, lễ hội, sự kiện giao lưu văn hoá, các tổ chức giáo dục trong nước không chỉ tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao kiến thức về văn hoá của các đất nước khác nhau, đồng thời giúp tăng cường tình hữu nghị, thắt chặt mối quan hệ hợp tác lâu dài, hợp tác quốc tế.

Sinh viên quốc tế được đánh giá là đã đóng góp rất nhiều cho các cơ sở giáo dục và quốc gia sở tại nơi họ du học về phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá; do đó, việc tuyển dụng sinh viên quốc tế đã trở thành một chiến lược quan trọng của các quốc gia và tổ chức (Nghia, 2015). Chính vì vậy, các tổ chức giáo dục ngoài nước cũng cần chú ý tập trung vào một số hoạt động trong công tác tuyển sinh nhằm thúc đẩy ý định du học của các sinh viên. Đầu tiên, các tổ chức giáo dục cần thực hiện tốt nhất nhiệm vụ và hoạt động của mình, đó là nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Để có thể hỗ trợ tốt nhất cho việc đào tạo và giảng dạy thì các trường đại học cũng cần có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại. Đây cũng là một điểm cộng để sinh viên lựa chọn khi theo các chương trình du học hiện nay. Thứ hai, do chi phí để sinh viên trang trải trong quá trình du học thường khá lớn nên các tổ chức giáo dục đào tạo nên có những chính sách ưu đãi đối với các sinh viên quốc tế như học bổng dành cho các đối tượng thuộc diện ưu tiên; trợ cấp, miễn giảm học phí; miễn hoàn toàn bảo hiểm y tế,… Thứ ba, các tổ chức giáo dục quốc tế nên thực hiện liên kết đào tạo với các trường đại học trong nước giúp thu hút một lượng sinh viên có năng lực cao trên toàn cầu, nâng cao uy tín và vị thế trên bảng xếp hạng. Cuối cùng, bên cạnh việc tăng độ phủ sóng bằng việc truyền thông qua mạng xã hội, các kênh thông tin truyền thống hay gia tăng sự xuất hiện các mặt báo, tạp chí và phim ảnh,… các tổ chức giáo dục quốc tế cũng có thể quảng bá hình ảnh của mình thông qua các Influencer - những người có ảnh hưởng lớn đến nhóm đối tượng sinh viên.

6.2. Kết luận

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế mạnh mẽ hơn bao giờ hết, du học là một vấn đề đáng lưu tâm đối với bản thân sinh viên, gia đình và các tổ chức, cơ quan giáo dục. Ý định du học lại chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố, trong đó trí tuệ văn hoá và giá trị lĩnh hội đã được kết quả nghiên cứu này chứng minh là có tác động thuận chiều đến ý định du học của sinh viên. Đồng thời, nghiên cứu cũng cho thấy bản thân trí tuệ văn hóa có ảnh hưởng tới giá trị lĩnh hội, hay trí tuệ văn hóa là tiền đề của giá trị lĩnh hội. Bản thân mỗi sinh viên, các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước cần cân nhắc thực hiện và triển khai các hàm ý chính sách và giải pháp nói trên nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình chuẩn bị cũng như quá trình du học sau này, giảm thiểu những nhận thức sai lệch về du học; tăng sức hút của các trường đại học trong nước với sinh viên, thúc đẩy sự phát triển của nền giáo dục nước nhà; khắc phục được yếu điểm và cải thiện chất lượng nền giáo dục trong nước theo hướng khách quan nhất vì học sinh, sinh viên.

Trong nghiên cứu này, mặc dù đã đánh giá ý định du học của sinh viên Việt Nam dựa trên trí tuệ văn hóa và giá trị lĩnh hội, song chúng tôi chưa tiến hành kiểm định sự khác biệt về giới

tính, năm học, trải nghiệm cũng như các mối quan hệ của sinh viên (ví dụ, có người quen tại quốc gia định du học hay không). Đây là hướng nghiên cứu trong thời gian tới của nhóm nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

[1] I. Ajzen, The Theory of Planned Behavior, Organizational Behavior and Human Decision Processes, Vol. 50, No. 2, 1991, pp. 179-211, https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T.

[2] A. Y. N Cheng, Perceived Value and Preferences of Short-Term Study Abroad Programmes: A Hong Kong Study, Procedia-Social and Behavioral Sciences, Vol. 116, 2014, pp. 4277-4282, https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2014.01.931.

[3] D. M. Frías-Jamilena, C. M. Sabiote-Ortiz, J. D. Martín-Santana, A. Beerli-Palacio, Antecedents and Consequences of Cultural Intelligence in Tourism, Journal of Destination Marketing & Management, Vol. 8, 2018, pp. 350-358, https://doi.org/10.1016/j.jdmm.2017.07.006.

[4] K. Hackney, D. Boggs, A. Borozan, An Empirical Study of Student Willingness to Study Abroad, Journal of Teaching in International Business, Vol. 23, No. 2, 2012, pp. 123-144, https://doi.org/10.1080/08975930.2012.718705.

[5] S. Han, J. Yoon, Cultural Intelligence on Perceived Value and Satisfaction of Ethnic Minority Groups' Restaurant Experiences in Korea, Journal of Tourism and Cultural Change, Vol. 18, No. 3, 2020, pp. 310-332, https://doi.org/10.1080/14766825.2019.1591736.

[6] E. Merklen, K. L. Wolfe, Assessing Cultural Intelligence and Study Abroad Experiences of Dietetics Students and Professionals, Journal of Nutrition Education and Behavior, Vol. 52, No. 10, 2020, pp. 964-969, https://doi.org/10.1016/j.jneb.2020.07.003.

[7] B. M. Racicot, D.L. Ferry, The Impact of Motivational and Metacognitive Cultural Intelligence on the Study Abroad Experience, Journal of Educational Issues, Vol. 2, No. 1, 2016, pp. 115-129, http://dx.doi.org/10.5296/jei.v2i1.9021.

[8] C. Relyea, F. K. Cocchiara, N. L. Studdard, The Effect of Perceived Value in The Decision to Participate in Study Abroad Programs, Journal of Teaching in International Business, Vol. 19, No. 4, 2008, pp. 346-361, https://doi.org/10.1080/08975930802427551.

[9] C. M. Sánchez, M. Fornerino, M. Zhang, Motivations and the Intent to Study Abroad among US, French, and Chinese Students, Journal of Teaching in International Business, Vol. 18, No. 1, 2006, pp. 27-52, https://doi.org/10.1300/J066v18n01_03.

[10] W. Zhuang, K. King, L. Carnes, Studying Abroad: Understanding the Relationships among Beliefs, Perceived Value, and Behavioral Intentions, Journal of Teaching in International Business, Vol. 26, No. 1, 2015, pp. 32-45, https://doi.org/10.1080/08975930.2014.956974.

[11] P. A. Tu, T. T. Hang, Studying Abroad: Factors Contributing to the Intentions of Economics Students at Can Tho University, Can Tho University Journal of Science, 2016, pp. 122-129 (in Vietnamese).

[12] I. Ajzen, M. Fishbein, Understanding Attitudes and Predicting Social Behavior, Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall, 1980.

[13] T. K. Luchkiw, The Role of Personality and Cultural Intelligence in the Desire to Study Abroad, 2013.

[14] V. H. Vroom, Work and Motivation, New York: Wiley, 1964.

[15] N. T. Sen, Factors Affecting the Intention of High School Students in Nha Trang City to Study Abroad, Master Thesis, Nha Trang University, 2015 (in Vietnamese).

[16] S. Ang, L. Van Dyne, Conceptualization of Cultural Intelligence: Definition, Distinctiveness, and Nomological Network, Handbook Of Cultural Intelligence: Theory, Measurement, and Applications, 2008, pp. 3-15.

[17] T. L. H. Nghia, Factors Influencing Prospective International Students' Motivation for Overseas Study and Selection of Host Countries and Institutions: The Case of Vietnamese Students, December 2015. 26th ISANA International Education Association Conference, 2015, pp. 1-25.